

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

Tầng 4A - 15+16, Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: +84 28 44 555 888
+84 28 38 271 020

Số Fax: +84 28 38 271 030

Website: www.maybank-kimeng.com.vn

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	1
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020.....	16
III. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	29
IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY	38
V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	39



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng, và tên viết tắt là: MBKE.
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 01 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 5 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 01 năm 2015, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 39/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 9 năm 2015, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 4 năm 2018.
- Vốn điều lệ: 1.056.110.000.000 VNĐ (một nghìn không trăm năm mươi sáu tỷ một trăm mười triệu Việt Nam Đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.347.081.261.571 VNĐ (Hai nghìn ba trăm bốn mươi bảy tỷ tám mươi một triệu hai trăm sáu mươi một nghìn năm trăm bảy mươi một Việt Nam Đồng).
- Trụ sở chính: tầng 4A - 15+16, Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Số điện thoại: +84 28 44 555 888 +84 28 38 271 020
Số Fax: +84 28 38 271 030
Website: www.maybank-kimeng.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1 Tập đoàn Maybank Kim Eng

Maybank Kim Eng là Tập đoàn bao gồm các công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và ngân hàng đầu tư trải rộng trên toàn cầu với các văn phòng tại Malaysia, Singapore, Hồng Kông, Thái Lan, Indonesia, Philippines, Ấn Độ, Việt Nam, Ả Rập Xê Út, Anh và Mỹ. Maybank Kim Eng đã hiện diện tại Châu Á trong suốt hơn bốn thập kỷ và là nhà cung cấp dịch vụ về Tài Chính Doanh Nghiệp, Thị Trường Nợ, Thị Trường Vốn, Công Cụ Phái Sinh, Nghiên Cứu Phân Tích, Môi Giới Chứng Khoán Cho Khách Hàng Cá Nhân và Khách Hàng Định Ché.

Maybank Kim Eng được sở hữu hoàn toàn bởi Maybank, một trong những tập đoàn ngân hàng hàng đầu Châu Á với mạng lưới tại 19 quốc gia, phục vụ hơn 22 triệu khách hàng trên toàn cầu, đứng thứ 4 khu vực Đông Nam Á xét về quy mô tổng tài sản. Maybank được xếp hạng trong danh sách 20 ngân hàng mạnh nhất thế giới theo đánh giá của Bloomberg Markets liên tiếp trong 2 năm 2013 và 2014. Tháng 1 năm 2019, lần đầu tiên Maybank được đứng trong danh sách 500 thương hiệu giá trị nhất thế giới - The Brand Finance Global 500 do Brand Finance - đơn vị tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới thực hiện với mức định giá vượt trên 4 tỷ Đô la Mỹ.

2.2 Maybank Kim Eng Việt Nam

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng (gọi tắt là “MBKE” hoặc “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam được thành lập theo Giấy phép số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) và chính thức đi vào hoạt động tháng 4 năm 2008.

Sau khi tập đoàn tài chính Malaysia, Maybank Group, mua lại toàn bộ cổ phần của Kim Eng Holdings Limited, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng theo Giấy phép điều chỉnh số 105/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 8 năm 2012 với 49% cổ phần được kiểm soát bởi Maybank Group thông qua Maybank Kim Eng Holdings Limited.

Ngày 03 tháng 01 năm 2014, MBKE đã chính thức được UBCKNN chấp thuận hình thức sở hữu mới: Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 117/GP-UBCK, trở thành công ty chứng khoán 100% vốn nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam.

Trong suốt hơn 10 năm qua, MBKE đã xây dựng được sự hiện diện mạnh mẽ tại thị trường Việt Nam với trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, 5 chi nhánh và gần 200 nhân viên chính thức. Từ mức vốn điều lệ 200 tỷ Việt Nam Đồng ban đầu, đến nay MBKE đã qua 4 lần tăng vốn với tổng vốn là 1.056,11 tỷ Việt Nam Đồng, tăng hơn 500% và hiện đang xúc tiến kế hoạch tiếp tục tăng vốn trong năm 2021. Việc tăng vốn là một trong những tiền đề mạnh mẽ giúp MBKE nâng cao vị thế cạnh tranh, triển khai thêm nhiều sản phẩm tài chính hấp dẫn, đặc biệt là đẩy mạnh hơn nữa các sản phẩm chứng khoán phái sinh và chứng quyền có đảm bảo.

2.3 Nỗ lực vì sự phát triển của Thị trường Chứng khoán (“TTCK”) Việt Nam

Cam kết đóng góp cho sự phát triển chuyên nghiệp và bền vững của TTCK Việt Nam, Tập đoàn Maybank Kim Eng (“Tập đoàn” hoặc “Maybank Kim Eng”) đã ký với UBCKNN Thỏa thuận khung hợp tác hỗ trợ kỹ thuật trong 3 năm kể từ tháng 8 năm 2013, tái ký tiếp tục thêm 3 năm kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2016. Trong năm 2020, việc ký thỏa thuận hợp tác mới bị gián đoạn do tình hình dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên Tập đoàn Maybank Kim Eng luôn cam kết đồng hành và phối hợp cùng với UBCKNN trong các hoạt động vì mục tiêu phát triển bền vững TTCK Việt Nam.

Chúng tôi sẵn sàng chia sẻ thông tin và kinh nghiệm về các thông lệ và chuẩn mực tốt nhất trong lĩnh vực kiểm soát và quản trị rủi ro, quản trị công ty và tuân thủ, chuẩn mực kế toán và hệ thống báo cáo tài chính, thu hút đầu tư gián tiếp vào TTCK Việt Nam, phát triển các sản phẩm mới cho TTCK.

Những năm qua MBKE đã thực sự trở thành cầu nối mang đến các cơ hội đầu tư hiệu quả cho các khách hàng của Maybank Kim Eng trên toàn cầu. Điển hình như việc thiết lập các cuộc gặp gỡ cho các quỹ, các nhà đầu tư nước ngoài, đến tìm hiểu TTCK và doanh nghiệp Việt Nam, cũng như thực hiện hàng loạt các hội thảo, sự kiện để giới thiệu TTCK trong nước ra các thị trường lớn trên thế giới và khu vực như Mỹ, Anh, Canada, Singapore, Thái Lan, Hồng Kông.

Năm 2020, đại dịch Covid-19 đã khiến kinh tế thế giới chao đảo, các quốc gia buộc phải thực hiện “lockdown”/“giãn cách xã hội” nhưng với tinh thần chủ động thích ứng và cùng với sự hỗ trợ của Tập đoàn, MBKE đã thực hiện thành công sự kiện Invest ASEAN 2020 - Hội nghị Đầu tư quốc tế thường niên do Tập đoàn tổ chức. Hội nghị bao gồm một chuỗi các sự kiện được tổ chức tại các quốc gia trong khu vực với sự tham gia của các chuyên gia, các nhà hoạch định chính sách kinh tế hàng đầu khu vực, các nhà tạo lập thị trường để cùng thảo luận về các cơ hội hợp tác phát triển trong khu vực. Mục đích chung của Hội nghị là tìm kiếm và cung cấp các cơ hội đầu tư vào thị trường ASEAN cho các khách hàng của Maybank Kim Eng, chủ yếu là các nhà quản lý quỹ từ khắp nơi trên thế giới, trong đó mỗi quốc gia sẽ có chủ đề và các diễn giả riêng biệt.



Invest ASEAN Việt Nam 2020 được thực hiện qua hình thức hội thảo trực tuyến với chủ đề “VIỆT NAM TỪ GÓC NHÌN CỦA NHỮNG NGƯỜI THUYỀN TRƯỞNG - CAPTAINS SPEAK: VIET NAM” với sự tham gia của các diễn giả nổi tiếng như Ông Lê Hải Trà, Phụ trách Hội đồng quản trị Sở Giao dịch Chứng khoán (“SGDCK”) Thành phố Hồ Chí Minh; Tiến sĩ (“TS”) Nguyễn Đức Khương - Tổ tư vấn kinh tế kinh tế của Thủ tướng nhiệm kỳ 2016-2021; TS Lê Tuấn Anh - Phó Tổng Giám đốc Đầu tư Dragon Capital; Bà Nguyễn Thanh Hoa – Giám đốc Thương hiệu và Truyền thông, Tập đoàn Bảo Việt,... Tại hội thảo này, các diễn giả đã cùng nhau thảo luận về tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam với các thế mạnh & điểm yếu; thách thức & cơ hội trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với đại dịch Covid-19 cùng với các chia sẻ về thị trường chứng khoán. Chương trình dành cho các khách hàng tổ chức, các quỹ, nhà đầu tư quốc tế quan tâm đầu tư vào các doanh nghiệp Việt Nam, được thực hiện trực tiếp hoàn toàn bằng tiếng Anh và nhận được sự đánh giá rất cao của khách tham dự.

Sau sự kiện, MBKE nhận được những đánh giá rất cao từ cộng đồng các nhà đầu tư và các tổ chức tài chính quốc tế cũng như được các trang thông tin truyền thông lớn như Bloomberg đánh giá là đối tác tin cậy bậc nhất tại Việt Nam của các nhà đầu tư quốc tế.

Các giải thưởng

Ghi nhận nỗ lực đóng góp cho sự phát triển TTCK Việt Nam của MBKE, tại buổi lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty (ngày 14 tháng 12 năm 2007 - ngày 14 tháng 12 năm 2017), MBKE đã vinh dự được đại diện lãnh đạo cấp cao của UBCKNN trao tặng Giấy khen cho những đóng góp tích cực vì sự phát triển bền vững của TTCK Việt Nam trong giai đoạn 2007 - 2017.

Tháng 12 năm 2018, MBKE tiếp tục nhận được giấy khen của UBCKNN vì những nỗ lực tích cực trong việc xây dựng và phát triển Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2015 - 2018.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG
 Báo cáo thường niên năm 2020 (tiếp theo)

Với nỗ lực và những thành tựu được ghi nhận trong suốt chặng đường hơn 10 năm theo đuổi mô hình công ty chứng khoán đẳng cấp quốc tế, MBKE tự hào đã thật sự tạo dựng được niềm tin nơi nhà đầu tư cũng như tất cả các đối tác trong và ngoài nước - yếu tố nền tảng quan trọng cho sự phát triển mạnh mẽ và bền vững trong tương lai. Năm 2018, với sự hỗ trợ từ Tập đoàn, MBKE đã tham gia tư vấn thành công thương vụ IPO trị giá 1,35 tỷ Đô la Mỹ của Vinhomes. Thương vụ đã đem đến cho MBKE và Tập đoàn 2 giải thưởng lớn từ 2 tạp chí uy tín hàng đầu là The Asset và IFR Asia. Theo đó, The Asset bình chọn Vinhomes IPO là “Thương vụ IPO thành công nhất Việt Nam” và IFR Asia bình chọn đây là “Đợt phát hành thành công nhất thị trường cận biên khu vực châu Á”.

Bên cạnh niềm tin và uy tín, những giải thưởng danh giá tầm cỡ khu vực là minh chứng khẳng định vị thế và quyết tâm của MBKE trong việc trở thành công ty chứng khoán đẳng cấp quốc tế hàng đầu khu vực.



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

MBKE được phép hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm các nghiệp vụ và dịch vụ sau: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Ngoài ra, Công ty có thể cung cấp các dịch vụ khác có liên quan đến chứng khoán như nghiên cứu, tư vấn tài chính, ngân hàng đầu tư.

Hiện tại, bên cạnh Hội sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, MBKE có 5 chi nhánh trên toàn quốc:

Chi nhánh	Thông tin liên hệ
Chợ Lớn	Khu vực D7 (Tầng 1) Cao ốc Tân Đà, số 86 Tân Đà, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh Số điện thoại: +84 28 62 610 778 – Số Fax: +84 28 38 59 06 99
Phú Nhuận	Số 456 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh Số điện thoại: +84 28 62 927 029 – Số Fax: +84 28 62 927 019
Đồng Nai	Tầng 3, Phòng 303, Tòa nhà NK, 208D Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Số điện thoại: +84 251 39 40 490 – Số Fax: +84 251 39 40 499
An Giang	Tầng 3, Toà nhà Nguyễn Huệ, số 9/9 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Xuyên, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang Số điện thoại: +84 296 3922 229 – Số Fax: +84 296 76 3922 899
Hà Nội	Phòng 06, Tầng 3A, Toà nhà Horison, số 40 phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội Số điện thoại: +84 24 39 44 05 06 – Số Fax: +84 24 39 44 05 08

4. Thông tin về mô hình quản trị, bộ máy quản lý

MBKE là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với 100% vốn chủ đầu tư nước ngoài. Bộ máy quản trị của Công ty bao gồm Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.

Sơ đồ tổ chức Công ty như sau:



4.2 Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Che Zakiah Binti Che Din	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020
Ông Malique Firdauz Bin Ahmad Sidique	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020
Bà Nguyễn Tuyết Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019
Bà Trần Ngọc Như Hiền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Kim Thiên Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015
Ông Tô Quốc Tuấn	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 9 năm 2019
Ông Trần Châu Tiến	Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2019
Ông Vũ Gia Vinh	Giám đốc Khối ngân hàng Đầu tư	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2017
Bà Lê Hồng Liên	Giám đốc Khối Nghiên cứu Phân tích Khách hàng tổ chức	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 8 năm 2020
Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2014

5. Định hướng phát triển

5.1 Mục tiêu chung

- Cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng của Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung.
- Hướng lợi ích hợp lý và hợp pháp từ việc cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp cho khách hàng.
- Tiến đến vị trí dẫn đầu trong tất cả các hoạt động kinh doanh.
- Quản trị đòn bẩy tài chính hợp lý đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh.
- Xây dựng nguồn lực thông minh và hiệu quả trên toàn cầu.

5.2 Chiến lược phát triển

Sau thời gian hội nhập toàn diện vào hệ thống toàn cầu của Tập đoàn, MBKE đã chuẩn bị cho mình một nền tảng vững vàng để sẵn sàng nắm bắt cơ hội đưa MBKE lên một tầm cao mới. Có bốn yếu tố then chốt và cũng là định hướng Công ty đặc biệt chú trọng trong chiến lược phát triển nhằm khẳng định vị thế hàng đầu tại TTCK Việt Nam trong giai đoạn 05 năm kế tiếp (2021 - 2025).

#1 Trở thành nhà môi giới chứng khoán trực tuyến hàng đầu

- Tập trung duy trì vị trí tiên phong thông qua đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ, đem đến cho khách hàng những trải nghiệm khác biệt khi giao dịch tại MBKE.
- Tiếp tục giới thiệu tới khách hàng Việt Nam những sản phẩm, dịch vụ đã thành công tại các thị trường phát triển trong khu vực.
- Ứng dụng công nghệ nâng cao chất lượng môi giới nhằm cung cấp những tư vấn và giải pháp đầu tư hiệu quả nhất cho khách hàng.

#2 Đẩy mạnh vai trò là cổng kết nối khu vực

- Với lợi thế có mặt tại 10 nước thành viên ASEAN, Công ty sẽ tăng cường vị thế là “Cổng kết nối khu vực - ASEAN Gateway”, thu hút nguồn vốn nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, góp phần phát triển các doanh nghiệp trong nước nói riêng và TTCK Việt Nam nói chung.
- Với sự hợp lực của Tập đoàn, MBKE có thể tiếp cận đến hơn 500 khách hàng tổ chức trong khu vực và toàn cầu bao gồm cả Mỹ, Anh, Hồng Kông,... Thông qua chuỗi Hội nghị Đầu tư InvestASEAN, Công ty sẽ hỗ trợ việc tìm kiếm, cung cấp các cơ hội đầu tư trong ASEAN cho các doanh nghiệp Việt Nam và quốc tế.

#3 Đi đầu trong việc cung cấp các báo cáo phân tích thị trường chất lượng cao

- Luôn bám sát thị trường, các chuyên gia giàu kinh nghiệm của MBKE sẽ tiên phong cung cấp thông tin, đánh giá quan trọng và có giá trị về các vấn đề nóng đang được quan tâm trên thị trường. Từ năm 2020, MBKE đã đưa đánh giá ESG (Environmental/ Môi Trường – Social/Xã Hội và Governance/ Quản Trị Doanh Nghiệp) vào các báo cáo phân tích của mình nhằm cung cấp thêm các thông tin về hoạt động doanh nghiệp hướng đến sự phát triển bền vững cho các khách hàng của chúng tôi.

#4 Phát triển nguồn nhân lực

- Bên cạnh việc đẩy mạnh đầu tư, hoàn thiện nền tảng công nghệ, liên tục cho ra đời những sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, Công ty sẽ đặc biệt chú trọng đào tạo đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực và tầm nhìn quốc tế.

Để đạt được mục tiêu chiến lược trở thành nhà môi giới chứng khoán hàng đầu khu vực của Tập đoàn, MBKE sẽ không ngừng củng cố thể kiềng ba chân ở cả ba mảng kinh doanh trọng yếu:

- Tiếp tục phát huy thế mạnh, không ngừng gia tăng doanh thu từ mảng môi giới khách hàng cá nhân.
- Tăng cường hoạt động của khối môi giới khách hàng tổ chức
- Ưu tiên đầu tư nguồn lực nhằm đẩy mạnh hoạt động ngân hàng đầu tư

Tất cả các hoạt động của MBKE sẽ được triển khai đồng bộ theo phương châm “**MẠNH HƠN - QUYẾT LIỆT HƠN - TỐT HƠN**”

6. Các rủi ro kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán của MBKE

Rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán đa dạng, tạo ra bởi nhiều thành tố khác nhau. Có những rủi ro đến từ bên ngoài Công ty như rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản của thị trường. Cũng có những rủi ro đến từ bên trong Công ty như rủi ro tín dụng, rủi ro vận hành, rủi ro tuân thủ, rủi ro thanh toán.

Nghiệp vụ quản trị rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản trị rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản trị rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty nắm giữ là không đáng kể.

6.2 Rủi ro thanh khoản của thị trường

Đây là rủi ro chung cho mọi công ty chứng khoán (“CTCK”). Khi thanh khoản của thị trường giảm mạnh và đột ngột thì rủi ro cho các CTCK là rất lớn với nghiệp vụ tự doanh, cho vay ký quỹ.

Hiện tại Công ty chỉ cung cấp các dịch vụ liên quan đến kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư và chưa mở rộng tự doanh. Vì vậy MBKE không gặp rủi ro với nghiệp vụ tự doanh khi thanh khoản của thị trường giảm. Tuy nhiên thanh khoản của thị trường giảm sút cũng làm ảnh hưởng đến doanh thu và các hoạt động kinh doanh khác của công ty.

6.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ giao dịch ký quỹ) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Nhiều công ty chứng khoán đã bị thua lỗ rất lớn vì khách hàng không còn khả năng chi trả cho những khoản vay để giao dịch ký quỹ. Tại MBKE, chúng tôi ý thức rất rõ về rủi ro này từ ngày đầu cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ cho khách hàng và chúng tôi đã thiết lập được cho mình một hệ thống quản lý giao dịch ký quỹ luôn theo dõi tổng dư nợ, cũng như các tỷ lệ ký quỹ theo thời gian thực.

6.4 Rủi ro vận hành

Đây là rủi ro có mặt trong quá trình hoạt động, vận hành của mọi công ty chứng khoán. Rủi ro này có nguồn gốc từ thao tác của đội ngũ nhân viên môi giới, đội ngũ nhân viên khối nghiệp vụ hỗ trợ, từ hệ thống công nghệ thông tin. Một vài ví dụ điển hình là nhân viên môi giới đặt sai lệnh, giả mạo chữ ký khách hàng rút tiền, nhân viên nghiệp vụ hạch toán sai số tiền, số tài khoản. MBKE đã có sẵn hệ thống theo dõi và kiểm soát các rủi ro vận hành rất chặt chẽ bằng các hình thức như kiểm tra chéo trước khi duyệt lệnh, tách bạch tài khoản tiền gửi của nhà đầu tư khỏi tài khoản tiền gửi của Công ty.

6.5 Rủi ro tuân thủ

Rủi ro tuân thủ tính đến khía cạnh pháp lý và những văn bản pháp luật được ban hành cho TTCK. Các CTCK cần tuân thủ nghiêm ngặt để tránh đổ vỡ hệ thống. Hành vi một số CTCK bất chấp quy định chưa cho phép mà vẫn cho ra đời những sản phẩm dịch vụ như cho vay giao dịch ký quỹ trước đây đã gây ra tổn thất nặng nề là bài học lớn cần ghi nhớ.

Tập đoàn Maybank đề cao tính tuân thủ pháp luật nước sở tại và các quy định của Tập đoàn, và của Công ty. Tại MBKE, các tuyến phòng thủ thứ hai và ba được thiết lập bao gồm các bộ phận Quản trị rủi ro, Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ nhằm kiểm soát chặt chẽ rủi ro tuân thủ.

6.6 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

1. *Khái quát về kinh tế vĩ mô và TTCK Việt Nam*

“Chưa từng có tiền lệ” có lẽ là cụm từ được sử dụng nhiều thứ 2 sau “Covid-19” trong năm 2020, một năm mà tâm trạng của thị trường được phân hóa rõ rệt giữa nửa đầu và nửa cuối năm.

Nửa đầu năm là của những kỷ lục buồn. Sự hân hoan từ thỏa thuận thương mại giai đoạn 1 của Mỹ Trung vào những ngày đầu năm 2020 đã không kéo dài được lâu và sớm nhường chỗ cho sự hoang mang từ những ca bệnh hô hấp cấp chưa rõ nguyên nhân bắt nguồn từ chợ hải sản Hoa Nam, thành phố Vũ Hán tỉnh Hồ Bắc. Các chỉ số chứng khoán thế giới đều lao dốc với mức độ biến động chưa từng có. Chỉ số S&P 500 của Mỹ mất 1/3 giá trị trong vòng 1 tháng từ 20/02 – 23/3. Ngày 20/4, giá hợp đồng tương lai dầu WTI rơi về mức “ÂM” 37.63 USD/thùng lần đầu tiên trong lịch sử khi các kho dầu ở Cushing, Oklahoma không thể chứa thêm. Ở chiều ngược lại, giá vàng đạt đỉnh cao nhất lịch sử 2,068 USD/oz ngày 07/8 khi nhà đầu tư đổ xô vào tài sản an toàn. Tài sản của nhà đầu tư trên TTCK Việt Nam cũng mất 1/3 giá trị cho đến khi Chính Phủ chính thức công bố tạm thời giãn cách xã hội cả nước vào ngày cuối cùng của tháng 3.

Nửa cuối 2020 cũng là của những kỷ lục nhưng ở tâm trạng ngược lại. Các ngân hàng trung ương trên toàn thế giới phản ứng ngay lập tức nhằm tránh tạo ra hiệu ứng domino trong hệ thống tài chính bằng cách cắt giảm lãi suất và hỗ trợ thanh khoản. FED giảm lãi suất cơ bản 2 lần trong tháng 3 để đưa về 0% - 0.25% từ mức 1.5% - 1.75%. NHNN Việt Nam cũng có 3 đợt cắt giảm lãi suất điều hành, đưa lãi suất tái cấp vốn từ mức 6% từ đầu năm xuống 4% vào ngày 30/9. Bên cạnh đó, các gói hỗ trợ kinh tế người dân của các Chính phủ nhằm duy trì sức mua của nền kinh tế đã tạo ra một hiệu ứng phụ, đẩy một lượng tiền kỷ lục vào các thị trường tài chính khi người dân không thể chi tiêu cho du lịch hay các hàng hóa xa xỉ khác vì giãn cách xã hội. Số ca nhiễm Covid-19 mới ở Mỹ tăng lên mức kỷ lục hơn 280 nghìn ca ngày 11/12 nhưng chỉ số S&P 500 cũng vọt lên mức kỷ lục 3.722 điểm ngày 17/12.

Tương tự, ở Việt Nam, bên cạnh các nhân tố tích cực như kiểm soát Covid-19 sớm và nền kinh tế không khủng hoảng (tăng trưởng 2.91% trong 2020 so với con số âm của các nước trong khu vực), sự tham gia của những nhà đầu tư mới cũng là một trong những động lực giúp TTCK Việt Nam hồi phục mạnh hơn các nước trong khu vực. Có 323,000 tài khoản đã được mở mới trong 11 tháng đầu năm, cao hơn 70% so với 2019 và cao nhất từ trước đến nay. Tính tới ngày 31/12, VN-Index đạt mức 1,104 điểm, tăng 14.9% và đạt mức cao nhất trong gần 3 năm, so với mức tăng 17,2% MSCI Asia, không bao gồm Nhật Bản. Giá trị giao dịch trung bình ngày của tháng 12 là 12,5 nghìn tỷ đồng, kỷ lục lịch sử của TTCK Việt Nam, gấp 3,2 lần cùng kỳ năm trước.

Bước sang 2021, TTCK khoán Việt Nam có nhiều yếu tố hỗ trợ để chinh phục những mốc điểm số cao hơn 1,200: i) triển vọng kinh tế phục hồi tốt trong năm 2021, dự báo tăng trưởng GDP đạt 6.8 - 7%, ii) tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp niêm yết được dự phóng tăng trưởng trung bình 25 - 30% trong năm 2021, theo khảo sát của Bloomberg, iii) thanh khoản thị trường được kỳ vọng tiếp tục duy trì ở mức tốt như năm 2020 nhờ môi trường lãi suất thấp kích thích nhà đầu tư cá nhân trong nước tìm kiếm cơ hội sinh lời ở thị trường chứng khoán, và iv) dòng vốn nước ngoài quay trở lại dần khi khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư nước ngoài đối với các thị trường cận biên và mới nổi tăng lên, và tỷ trọng của Việt Nam trong các chỉ số của MSCI Frontier Market được nâng lên từ tháng 11/2020.

5 điểm nổi bật của TTCK năm 2020:

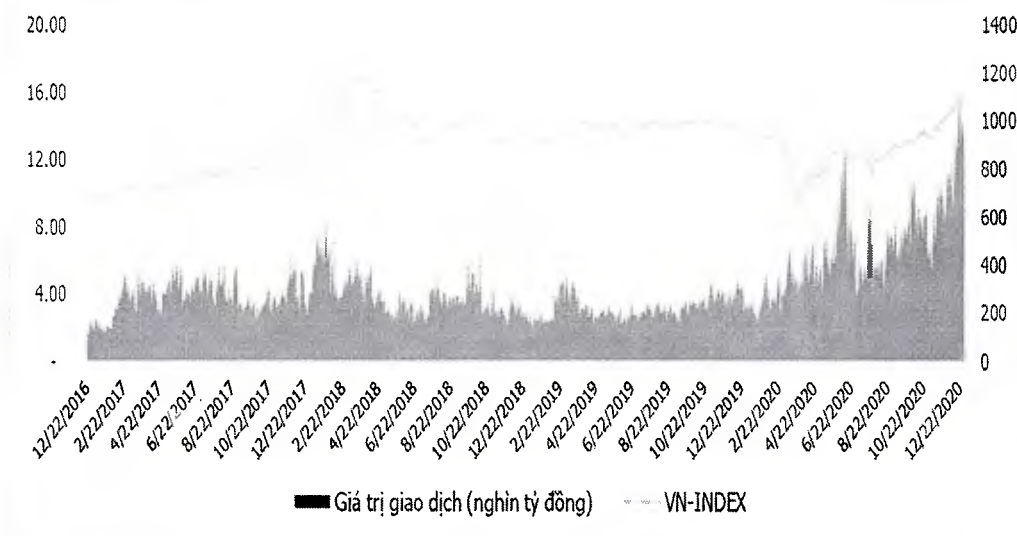
- *VN-Index phục hồi mạnh từ tháng 8 với thanh khoản kỷ lục*

Nhờ sự thành công trong việc kiểm soát dịch Covid-19 trên cả nước, TTCK đã dần lấy lại sự tự tin. Tính từ ngày 25/3/2020, TTCK Việt Nam đã bắt đầu hành trình phục hồi đầy ấn tượng, đặc biệt là từ giai đoạn tháng 8 khi VN-Index lấy lại tất cả số điểm đã mất trước đó và leo lên mức 1.104 điểm vào ngày 31/12/2020, tương đương mức tăng vọt 67,5% từ mức đáy ngày 24/3 và tăng 14,9% so với đầu năm.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG
 Báo cáo thường niên năm 2020 (tiếp theo)

Thanh khoản tăng mạnh là điểm nhấn của TTCK Việt Nam trong năm 2020. Dòng tiền mới từ nhà đầu tư “F0” mang đến sự bùng nổ về thanh khoản cho thị trường chứng khoán. Từ nửa sau của tháng 11, thời điểm VN-Index bứt phá vượt qua mốc 1.000 điểm, giá trị giao dịch khớp lệnh liên tục trên dưới 10.000 tỷ đồng mỗi phiên. Thanh khoản trong tháng 11 và 12/2020 cao hơn thời điểm trước khi VN-Index vượt đỉnh lịch sử lập vào đầu năm 2018. Giá trị giao dịch (“GTGD”) bình quân trong 12T20 tăng mạnh 111% so với cùng kỳ đạt 6.850 tỷ đồng.

Biểu đồ 1. Chỉ số VN-Index phục hồi ấn tượng từ tháng 8/2020 với thanh khoản liên tục lập kỷ lục mới



Nguồn: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- *Dấu ấn nhà đầu tư F0 và dòng vốn ETFs*

Thị trường chứng khoán lao dốc mạnh trong tháng 2 và 3 khiến nhiều cổ phiếu rơi về vùng hấp dẫn. Bên cạnh đó, các yếu tố vĩ mô tích cực như Chính phủ kiểm soát tốt dịch bệnh, Việt Nam là quốc gia hiếm hoi được dự báo có tăng trưởng kinh tế trong năm 2020, đẩy mạnh đầu tư công, lãi suất huy động liên tục giảm... Điều này thu hút dòng tiền mới của nhà đầu tư mới – hay còn gọi là “F0” chuyển hướng sang kênh chứng khoán khi các kênh đầu tư khác như gửi ngân hàng, vàng, bất động sản... kém thu hút hơn.



Số lượng tài khoản cá nhân trong nước mở mới trong nước tăng vọt kể từ tháng 3, liên tục ở mức trên 30.000 đơn vị mỗi tháng. Trong tháng 11, lượng mở mới của nhà đầu tư cá nhân trong nước lên mức kỷ lục 41.080 tài khoản. Lũy kế 11 tháng, lượng tài khoản mở mới này đạt 329.452 đơn vị, tăng 75,4% so với cả năm 2019.

Cùng với dòng tiền từ nhà đầu tư “F0”, dòng vốn từ các quỹ ETF cũng được cho là tác động tích cực đến thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2020. Ngoài các quỹ ETF quen thuộc như FTSE ETF, VFM VN30 hay V.N.M ETF, sự bùng nổ của các quỹ ETF nội cũng cho thấy được sức hấp dẫn của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Riêng năm 2020, số lượng quỹ ETF nội mới đạt kỷ lục với 2 quỹ của SSIAM (SSIAM VNFIN Lead, SSIAM VN30), quỹ của VFM (VFMVN Diamond), quỹ của VinaCapital (VinaCapital VN100) và quỹ của Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam) (MAFM VN30). Quy mô của các quỹ ETF nội cũng tăng lên nhanh chóng. Tổng tài sản của VFM VN30 hiện chỉ đứng sau V.N.M ETF với 307 triệu USD (7.108 tỷ đồng). Tổng tài sản của các quỹ ETF nội hiện đã đạt trên 13.000 tỷ đồng.

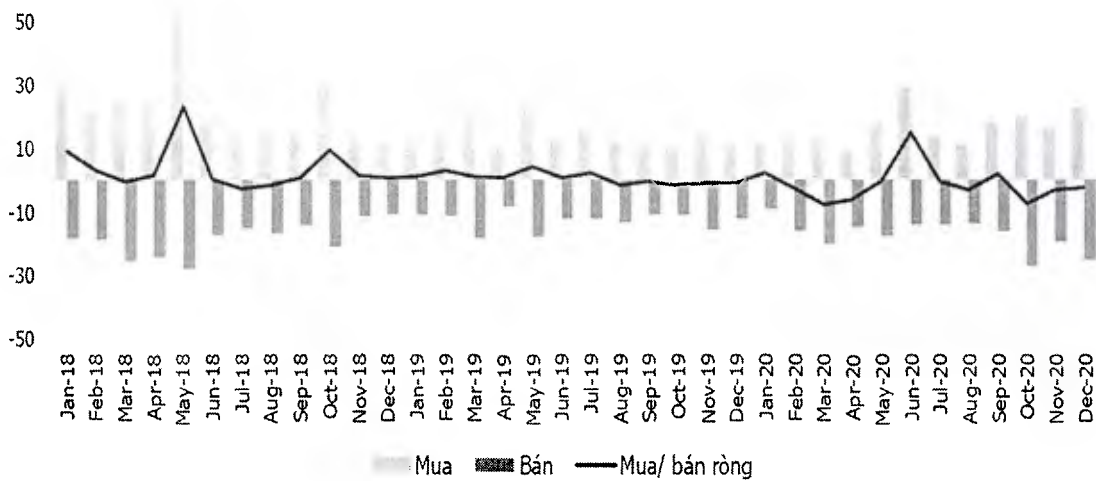
- *Khối ngoại bán ròng*

Tính đến hết phiên giao dịch ngày 31/12, riêng sàn HoSE, khối ngoại bán ròng kỷ lục 15.214 tỷ đồng. Nếu loại trừ đi giao dịch thỏa thuận, khối ngoại sàn này bán ròng hơn 38.200 tỷ đồng. Các cổ phiếu bị bán ròng mạnh có MSN, HPG, VIC, HDB hay VNM.

Khối ngoại có 2 chuỗi bán ròng bền bỉ trên HoSE. Chuỗi đầu tiên là 33 phiên bán ròng liên tiếp diễn ra hồi tháng 2 – 3 với tổng giá trị hơn 9.500 tỷ đồng. Chuỗi bán ròng dài thứ 2 diễn ra vào tháng 10 – 11 với 30 phiên liên tiếp, tổng giá trị 10.546 tỷ đồng.

Nhà đầu tư nước ngoài đổi hướng bán ròng trở lại sau 3 năm liên tiếp mua ròng bất chấp những đánh giá lạc quan và tích cực về thị trường Việt Nam. Nguyên nhân chính là việc quỹ cận biên Frontier Markets và Emerging Markets giảm quy mô danh mục do bị rút vốn để hướng dòng vốn đến các thị trường phát triển.

Biểu đồ 2. Giao dịch mua/(bán) của khối ngoại tại HoSE



Nguồn: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- *Việt Nam được tăng tỷ trọng trong MSCI Frontier Market*

Tổ chức xây dựng chỉ số MSCI quyết định giảm tỷ trọng của thị trường chứng khoán Kuwait về 0% trong rổ chỉ số thị trường cận biên MSCI Frontier Markets qua 5 giai đoạn bắt đầu từ tháng 11/2020 và hoàn thành vào tháng 11/2021 thay vì thực hiện một lần như trước.

Theo tính toán của MSCI, tỷ trọng của Việt Nam trong MSCI Frontier Markets sẽ đứng đầu với 15,76% sau giai đoạn 1 và được nâng lên thành 28,76% sau khi tỷ trọng của Kuwait về 0%.

Ngay trong giai đoạn đầu tiên, iShare MSCI Frontier 100 ETF (quỹ ETF sử dụng tham chiếu là bộ chỉ số MSCI Frontier 100 Index) đã hạ tỷ trọng của thị trường Kuwait xuống còn 21,78%, trong khi tăng các cổ phiếu Việt Nam lên 14,15%. Vào thời điểm cuối tháng 11, tỷ trọng đầu tư vào thị trường Kuwait là 24,18%, trong khi tỷ trọng Việt Nam là 13,23%.

Ngoài ra, nhiều quỹ chủ động có quy mô hàng trăm triệu USD đang sử dụng chỉ số cơ sở là MSCI Frontier Markets Index, chẳng hạn Morgan Stanley Institutionam Fund, Templeton Frontier Markets Fund, Schroder International Selection Fund, Magna Umbrella Fund...Việc Việt Nam được tăng tỷ trọng trong MSCI Frontier Markets Index sẽ hút đáng kể dòng tiền từ các quỹ này.



- *Các quy định pháp luật mới nổi bật trong năm 2020*

Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp đã được sửa đổi và ban hành trong năm 2020. Hai luật mới này cùng với Luật Chứng khoán năm 2019 chính thức có hiệu lực từ năm 2021 sẽ tạo nền tảng pháp lý mới thúc đẩy nâng tầm thị trường; tính minh bạch của các thành viên tham gia; các điều kiện mới về phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo hướng chặt chẽ hơn, hướng doanh nghiệp đến việc huy động vốn hiệu quả và thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ phát triển bền vững hơn.

Ngày 23/12/2020 Chính phủ đã ban hành Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg thành lập Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, xây dựng lộ trình cơ cấu lại các thị trường cổ phiếu, trái phiếu và phái sinh theo hướng chuyên môn hóa cũng tạo dấu mốc quan trọng trong quá trình cơ cấu, tái cấu trúc thị trường chứng khoán Việt Nam.

2. Hoạt động kinh doanh của MBKE năm 2020

Năm 2020 là năm bản lề trong hành trình phát triển của MBKE theo phương châm “**MẠNH HƠN - QUYẾT LIỆT HƠN - TỐT HƠN**” và sẵn sàng cho hành trình phát triển 05 năm tiếp theo. Kiên định với chiến lược phát triển mang tính bền vững, lấy khách hàng làm trọng tâm, cộng hưởng với văn hóa kinh doanh chuyên nghiệp và chuẩn mực của Maybank - tập đoàn tài chính hàng đầu khu vực, MBKE đã bước vào năm 2020 với rất nhiều hứng khởi và quyết tâm.

Mặc dù trải qua năm 2020 với dịch bệnh Covid-19 và thực hiện giãn cách xã hội, với tinh thần vượt qua thách thức, Công ty đã kịp thời có các chính sách hoạt động phù hợp trong dịch bệnh, như phân bổ nhân viên làm việc ở các văn phòng khác nhau hơn là tập trung một nơi, và phân chia tỷ lệ làm việc tại văn phòng và làm việc tại nhà theo tỷ lệ 50%-50% hoặc 80%-20% tương ứng với từng tình huống của dịch bệnh, để dịch bệnh không thể ảnh hưởng đến hoạt động liên tục của Công ty. Phòng Công nghệ Thông tin cũng đầu tư nâng cấp hệ thống máy chủ (server) để đáp ứng việc truy cập từ xa của các nhân viên làm việc tại văn phòng khác hoặc tại nhà.

Với việc triển khai đồng bộ các công tác ứng phó với dịch bệnh ngay từ đầu, các hoạt động kinh doanh của Công ty đã được đảm bảo và tiếp tục ghi nhận sự phát triển vượt bậc về dư nợ cho vay ký quỹ và lợi nhuận trước thuế với mức tăng trưởng lần lượt là 17,3% và 52,6% so với năm 2019. Lợi nhuận trước thuế này cũng đã vượt kế hoạch 20.6% do thành tựu từ nghiệp vụ môi giới mang lại.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG
Báo cáo thường niên năm 2020 (tiếp theo)

Bên cạnh đó, điểm sáng của 2020 so với các năm trước đó là Khối khách hàng tổ chức, Khối Tư vấn và Ngân hàng Đầu tư liên tiếp phát huy những sức mạnh tiềm năng, tận dụng các thế mạnh từ mạng lưới khách hàng rộng khắp của Tập đoàn và đã đóng góp đáng kể trong kết quả kinh doanh toàn của Công ty. Điều này hoàn toàn phù hợp với chiến lược lâu dài của Công ty là phát triển đồng đều cả ba khối kinh doanh chính.

Ngoài ra, việc đồng hành với nhà đầu tư trong chiến lược đầu tư được MBKE phát triển mạnh chưa từng có so với các năm trước. Từ khi các ca Covid-19 được phát hiện đầu tiên và các lần tái phát hiện khác, hàng loạt buổi hội thảo chuyên đề về TTCK được diễn ra hàng tuần trên nền tảng trực tuyến giúp nhà đầu tư dù đang ở bất cứ nơi nào, bất cứ khi nào cũng có thể nhận được sự chăm sóc và tư vấn tận tình của chúng tôi định kỳ mỗi thứ hai và thứ ba hàng tuần thông qua các ứng dụng trực tiếp như Zoom, YouTube và Livestream Facebook.

Thêm vào đó, bộ phận môi giới khách hàng tổ chức cũng kết hợp với bộ phận nghiên cứu thực hiện các chương trình hội thảo đặc thù dành cho các Quỹ đầu tư khắp khu vực nhằm tiếp thị giới thiệu các cơ hội đầu tư ở Việt Nam tại Singapore, Thái Lan và Malaysia. Các chương trình đã thu hút sự quan tâm và được đánh giá cao bởi đông đảo các nhà đầu tư tham dự.

Với những thành công ngoạn mục của năm 2020, MBKE càng quyết tâm hơn với chiến lược phát triển bền vững trong những năm sắp tới.

3. Tổ chức và nhân sự

3.1 Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu

Ban điều hành của Công ty (theo danh sách 4.2, phần I) không nắm giữ cổ phần của Công ty.

3.2 Những thay đổi trong Ban điều hành

Tháng 8 năm 2020, Công ty miễn nhiệm Bà Lê Hồng Liên khỏi chức vụ Giám đốc Khối Nghiên cứu Phân tích Khách hàng tổ chức.

3.3 Số lượng cán bộ nhân viên

Số lượng nhân viên của MBKE luôn ổn định với đội ngũ gần 200 nhân sự. Ngoài các chính sách của Công ty đối với người lao động theo luật định, Công ty còn mua bảo hiểm sức khỏe cho mỗi nhân viên và một thành viên trong gia đình.

4. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Trong thời gian dịch Covid-19 bùng phát mạnh tại Việt Nam, thực hiện chủ trương của Chính phủ về giãn cách xã hội, MBKE đã triển khai nhanh chóng hệ thống VPN tích hợp 2FA bảo mật để phục vụ cho việc làm việc tại nhà của nhân viên, đảm bảo kinh doanh được vận hành liên tục, an toàn.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG
Báo cáo thường niên năm 2020 (tiếp theo)

5. Tình hình tài chính

5.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Biến động (%)
I. TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN	2.347.081.261.571	2.001.931.728.398	17,2%
II. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	20.357.945.327	4.258.418.879	378,1%
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	157.138.702.320	172.667.254.113	-9,0%
- Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	152.230.742.634	101.097.873.302	50,6%
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	158.000.000	-	100%
- Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	4.725.117.424	5.513.391.495	-14,3%
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	35.129.783.257	382.600.000	9.081,9%
Thu nhập hoạt động khác	6.528.376.185	7.689.234.164	-15,1%
Cộng doanh thu hoạt động	376.268.667.147	291.608.771.953	29,0%

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG
 Báo cáo thường niên năm 2020 (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Biến động (%)
III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	152.550.826.086	129.006.764.579	18,3%
IV. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	2.510.618.787	3.060.575.345	-18,0%
V. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	29.850.620	28.770.123	3,8%
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	94.813.923.942	80.131.098.615	18,3%
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	131.384.685.286	85.502.713.981	53,7%
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC	42.133.332	500.771.243	-91,6%
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	131.426.818.618	86.003.485.224	52,8%
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	26.518.173.948	17.274.541.507	53,5%
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	104.908.644.670	68.728.943.717	52,6%

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG
Báo cáo thường niên năm 2020 (tiếp theo)

Tổng giá trị tài sản năm 2020 tăng 17,2% tương đương 345.149.533.173 Việt Nam Đồng so với năm trước chủ yếu là do đóng góp từ mở rộng dư nợ cho vay ký quỹ (tăng 17,3% tương đương 310.823.458.213 Việt Nam Đồng). Việc phát triển dư nợ cho vay ký quỹ này được tài trợ chủ yếu từ nguồn tín dụng ngắn hạn của công ty mẹ và các công ty trong Tập đoàn và lợi nhuận sau thuế được giữ lại.

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng 52,6% tương đương 36.179.700.953 Việt Nam Đồng so với năm trước từ các nguyên nhân sau đây:

- Doanh thu hoạt động tăng 29,0% chủ yếu từ doanh thu môi giới chứng , lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) và doanh thu hoạt động tư vấn tài chính tăng lần lượt là 378,1%, 50,6% và 9.081,9%, tương đương 16.099.526.448 Việt Nam , và 51.132.869.332 Việt Nam Đồng và 34.747.183.257 Việt Nam Đồng.
- Chi phí hoạt động tăng 18,3% tương ứng với mức tăng doanh thu.
- Chi phí quản lý tăng 18,3% chủ yếu do chi phí tiền lương tăng theo mức tăng của thị trường, đầu tư công nghệ thông tin nhằm phục vụ công tác làm việc từ xa do thực hiện giãn cách xã hội, nâng cao hệ thống quản trị rủi ro và công tác bảo mật thông tin.



5.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	251,1%	288,5%
- Hệ số thanh toán nhanh:		
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	251,1%	288,5%
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	39,0%	33,7%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	63,8%	50,8%
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
- Vòng quay hàng tồn kho:	-	-
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân		
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	16,1%	14,7%
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	27,7%	23,3%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	7,6%	5,3%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,5%	3,4%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	34,7%	29,0%

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6.1 Tình hình thay đổi vốn chủ đầu tư

Vốn chủ đầu tư của Công ty không có thay đổi trong năm.

6.2 Cơ cấu cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đến ngày báo cáo

Chủ sở hữu của Công ty là Maybank Kim Eng Holdings Limited.

7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

7.1 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2020, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

7.2 Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động trung bình của Công ty là 180 lao động/năm. Thu nhập trung bình đối với người lao động là 44.046.602 Việt Nam Đồng/tháng.

Chính sách lao động là nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Ngoài các chính sách lương, thưởng theo Luật lao động và quy định của Công ty, Công ty còn có các chính sách phúc lợi cho người lao động như: tặng quà sinh nhật, khám sức khỏe định kỳ 1 năm/1 lần, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn cho nhân viên và người thân, chế độ ốm đau, thai sản, hỗ trợ bữa ăn trưa trong thời gian phong tỏa do dịch Covid-19,...
- Về hoạt động đào tạo người lao động, số giờ đào tạo trung bình cho tất cả nhân viên của Công ty là 3,5 giờ/năm.

III. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Nghiệp vụ môi giới chuyên nghiệp

Tại Việt Nam, MBKE kiên quyết tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư khỏi tài khoản tiền của Công ty, không phát triển nghiệp vụ tự doanh chứng khoán để đảm bảo rằng lợi ích kinh doanh của khách hàng luôn được đặt lên hàng đầu và không có bất kỳ lợi ích nào đối lập với lợi ích của khách hàng.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, số tài khoản chứng khoán giao dịch tại MBKE, đạt tăng trưởng là 5,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Khối Môi giới tại MBKE trong năm 2020 đã giới thiệu đến nhà đầu tư nhiều sản phẩm tài chính mới và các chương trình chăm sóc khách hàng tiêu biểu như:

- Dịch vụ tư vấn danh mục đầu tư của khối Môi giới với hơn 10 danh mục đầu tư xuyên suốt năm 2020 tập trung cung cấp cho toàn bộ nhà đầu tư có theo dõi kênh Facebook và YouTube của MBKE. Tất cả danh mục đều cho kết quả khả quan, giúp nhà đầu tư có thêm giải pháp đầu tư mới trọn vẹn hơn trong năm.
- Gói lãi suất 8.99% được MBKE cung cấp cho toàn bộ khách hàng kéo dài từ 01/4/2020 đến 31/12/2020 cũng giúp nhà đầu tư tiết kiệm nhiều chi phí trong việc sử dụng các công cụ tài chính hỗ trợ nhằm tối ưu hóa danh mục đầu tư của mình.
- Gói giảm 2% lãi suất đại trả của MBKE dành cho nhà đầu tư luôn sử dụng dịch vụ của MBKE trong Quý 3 cũng là một minh chứng cho việc chúng tôi luôn đồng hành với nhà đầu tư qua từng giai đoạn của thị trường.
- Giải pháp hỗ trợ vay theo kỳ hạn có mức lãi suất 7.99% được MBKE giới thiệu trong tháng 10/2020 tiếp tục được nhà đầu tư khắp thị trường đón nhận với sự hồ hởi, là một minh chứng khác cho sự bứt phá dư nợ cho vay ký quỹ của Công ty trong Quý 3 và Quý 4 năm 2020.

- Năm 2020, sản phẩm giao dịch trực tuyến của MBKE một lần nữa nhận giải thưởng TOP 100 sản phẩm/dịch vụ được Tin & Dùng 2020 do Thời báo Kinh Tế Việt Nam thực hiện. Đây cũng là năm đánh dấu sự thay đổi lớn khi MBKE quyết tâm mở rộng đầu tư vào công nghệ mới có nhiều tích hợp các chức năng tương tác, phục vụ đa nền tảng giúp nhà đầu tư thực hiện đơn giản hơn nữa các thao tác giao dịch trực tuyến của mình. Các thông tin được cập nhật liên tục và nhanh chóng hỗ trợ tối đa cho nhà đầu tư trong việc đưa ra quyết định đầu tư kịp thời và hiệu quả.

Bên cạnh đó, MBKE luôn đồng hành với nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý trong chiến lược đầu tư và phát triển thị trường chứng khoán, cụ thể:

- Từ khi các ca Covid-19 được phát hiện tại Việt Nam và các lần tái phát hiện khác không khiến MBKE giảm đi chất lượng dịch vụ tư vấn cung cấp cho nhà đầu tư. Hàng loạt buổi hội thảo chuyên đề về TTCK được diễn ra hàng tuần trên nền tảng trực tuyến giúp nhà đầu tư dù đang ở bất cứ nơi nào, bất cứ khi nào cũng có thể nhận được sự chăm sóc và tư vấn tận tình của chúng tôi định kỳ mỗi thứ hai và thứ ba hàng tuần thông qua Zoom, YouTube và Livestream Facebook.
- Bên cạnh đó, bộ phận môi giới khách hàng tổ chức cũng kết hợp với bộ phận nghiên cứu thực hiện các chương trình hội thảo đặt thù dành cho các Quỹ đầu tư khắp khu vực nhằm tiếp thị giới thiệu các cơ hội đầu tư ở Việt Nam tại Singapore, Thái Lan và Malaysia. Các chương trình đã thu hút sự quan tâm và được đánh giá cao bởi đông đảo các nhà đầu tư tham dự.

2. Nghiệp vụ Nghiên cứu và Tư vấn đầu tư

Đối với bộ phận phục vụ khách hàng cá nhân

Trong năm 2020, các chuyên viên phân tích khối khách hàng cá nhân đã liên tục cập nhật tin tức, tổng kết tình hình và nhận định xu hướng giao dịch, đồng thời đưa ra những phân tích đánh giá về khả năng sinh lời của các cổ phiếu, đưa ra nhiều khuyến nghị đầu tư chính xác.

Khác với các năm trước khi MBKE liên tục tổ chức các hội thảo cho các nhà đầu tư cá nhân, năm 2020 do giãn cách xã hội vì dịch bệnh Covid-19, bộ phận nghiên cứu phân tích tập trung vào các hội thảo sáng Thứ Hai hàng tuần qua Zoom, cùng với chương trình “mỗi tuần 1 stock pick” giúp nâng cao hiệu quả đầu tư của khách. Trong đó có những cổ phiếu khuyến nghị nổi bật như DGW, HPG, PET, GAS,...

Với vai trò là cầu nối giữa các quỹ đầu tư nước ngoài với thị trường Việt Nam, bộ phận nghiên cứu khách hàng tổ chức đã tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động tư vấn, cập nhật chuyên sâu về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng, môi trường kinh doanh, hoạt động của các doanh nghiệp. Năm 2020, với ảnh hưởng của dịch bệnh, sự kiện Invest ASEAN (hội nghị Đầu tư quốc tế thường niên do Tập đoàn Maybank Kim Eng tổ chức) đã được thực hiện thành công bằng hình thức trực tuyến (Zoom) với chủ đề “Việt Nam từ góc nhìn của những người thuyền trưởng – Captains Speak: Vietnam”. Qua đó, giúp nhà đầu tư nước ngoài có thể tiếp cận các thông tin thị trường và gặp gỡ trực tuyến với các doanh nghiệp tại Việt Nam. Đội ngũ chuyên viên phân tích của bộ phận nghiên cứu khách hàng tổ chức cũng tham gia đóng vào hội thảo trực tuyến “ASEAN Consumer” do tập đoàn hợp tác đồng tổ chức với Mizuho.

Được đánh giá cao bởi khách hàng, bộ phận nghiên cứu khách hàng tổ chức tiếp tục cân nhắc nhu cầu cân đối giữa đầu tư giá trị dài hạn và áp lực hiệu quả đầu tư trong ngắn hạn (ví dụ năm tài chính) của khách hàng. Các chuyên viên phân tích của MBKE đã nỗ lực đưa ra những khuyến nghị phù hợp với quan điểm đầu tư, điều lệ quỹ,... của các nhóm đối tượng khách hàng khác nhau.

3. Công nghệ thông tin và giao dịch trực tuyến

Trực tuyến hóa hoạt động đầu tư chứng khoán là xu thế tất yếu trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, và nó đang tác động thật sự mạnh mẽ đến tất cả các nhóm đầu tư trên thị trường. Năm 2020, khi toàn thế giới đang đối mặt với đại dịch Covid-19 thì yếu tố công nghệ trong đầu tư chứng khoán càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Không nằm ngoài xu thế, MBKE đã, đang và sẽ không nằm ngoài mọi đường đua. Với hạ tầng công nghệ hiện đại, gia tăng tốc độ và hiệu năng cho bảng giá thông minh, đặt lệnh online, theo dõi và thực hiện các tiện ích online với sản phẩm trực tuyến là KE Trade nền tảng Web và KE Mobile dành cho ứng dụng di động. Đồng thời Công ty luôn thể hiện sự nhạy bén của mình khi kết hợp công nghệ cùng với xu hướng sản phẩm đa dạng hỗ trợ khách hàng về phí, lãi suất.

Trong năm 2020, MBKE triển khai tích hợp sản phẩm chứng khoán phái sinh cho nhà đầu tư trên nền tảng giao dịch trực tuyến KE Trade công nghệ Revamp, thích ứng mọi kích thước màn hình thiết bị cũng như thiết kế giao diện thân thiện với người dùng nhưng cũng không thiếu đi sự hiện đại, tinh tế. Nhà đầu tư dễ dàng thay đổi không gian giao dịch giữa thị trường cơ sở và phái sinh trong tâm.

Giải pháp giao dịch chứng khoán trực tuyến tích hợp không chỉ cung cấp cho khách hàng công cụ đặt lệnh mua bán mà còn cho phép họ thực hiện hàng loạt nhu cầu giao dịch khác mà không cần phải hiện diện tại MBKE. Tính bảo mật và độ an toàn của các sản phẩm giao dịch trực tuyến của MBKE điều được các nhà đầu tư Việt Nam đặc biệt tin tưởng và đánh giá cao cùng với tính năng đăng nhập KE Mobile trên thiết bị di động bằng sinh trắc học vân tay và khuôn mặt (Touch and face ID) đã được nâng cấp trước đó.

Trong cuộc chạy đua công nghệ, ngoài vũ khí là việc nắm bắt nền tảng hệ thống hiện đại, ứng dụng tích hợp công nghệ cao thì vũ khí cho nhà đầu tư còn là những con số cập nhật theo thời gian thực, những tính năng vượt trội để phục vụ việc đánh giá, phân tích và đưa ra quyết định đầu tư. MBKE cung cấp dữ liệu phân tích, dữ liệu cổ phiếu, dữ liệu thị trường trên trang chủ của Công ty để nhà đầu tư hoàn toàn chủ động về thông tin, nắm bắt mọi biến động của thị trường một cách nhanh chóng và chính xác nhất gồm nhiều nhóm chức năng hữu ích nhằm theo dõi thị trường đa chiều với các tính năng theo dõi dòng tiền, thông tin vĩ mô, top những cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index...

Sản phẩm giao dịch trực tuyến của Công ty năm 2020 tiếp tục vinh dự được bình chọn vào TOP 100 sản phẩm/dịch vụ được Tin & Dùm 2020 do Thời báo Kinh Tế Việt Nam thực hiện), đánh dấu 9 năm liên tiếp MBKE vinh dự nhận danh hiệu đặc biệt này.

Với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ chuyên viên MBKE, cũng như sự hợp tác cùng với các đối tác phát triển thuê ngoài, MBKE đã xây dựng được một tổ hợp các kênh giao dịch trực tuyến thật sự bảo mật, tốc độ tối ưu và thân thiện với người dùng. Doanh thu qua kênh giao dịch trực tuyến không ngừng tăng trưởng chiếm trên 90% tổng số lượng lệnh giao dịch toàn Công ty, đó là những minh chứng sống động cho sự thành công của tổ hợp giải pháp giao dịch trực tuyến.

4. Tài chính doanh nghiệp vươn tới Ngân hàng đầu tư

Dịch vụ Ngân hàng đầu tư (Investment Banking) là một trong những dịch vụ có thể mạnh của Tập đoàn Maybank hiện nay. Với sức mạnh về tài chính và sự chuyên nghiệp, Tập đoàn Maybank là một trong những tổ chức đứng đầu về dịch vụ Ngân hàng đầu tư trong khu vực ASEAN.

Với mạng lưới quan hệ kinh doanh và thương hiệu khu vực, MBKE đang tập trung phát triển các dịch vụ tư vấn thu xếp các sản phẩm vốn vay mà Maybank có lợi thế, tư vấn sáp nhập doanh nghiệp, huy động nguồn vốn từ các quỹ đầu tư tài chính chuyên nghiệp, các đối tác chiến lược nước ngoài,... cho các doanh nghiệp tại Việt Nam. Bên cạnh đó, MBKE cũng cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến tài chính doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu đa dạng của doanh nghiệp.

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô của Việt Nam ổn định và hoạt động kinh doanh sản xuất của khối khách hàng doanh nghiệp được đánh giá hồi phục tích cực vượt qua những khó khăn do dịch bệnh và thiên tai, MBKE kỳ vọng mảng Ngân hàng đầu tư sẽ đạt được kết quả tốt hơn trong thời gian tới.

5. Kế hoạch kinh doanh năm 2021

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021 (VND)	Thực tế năm 2020 (VND)	Tỷ lệ % tăng/(giảm)
I. DOANH THU			
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	180.709.510.000	157.138.702.320	15%
- Doanh thu môi giới chứng khoán	167.453.820.000	152.230.742.634	10%
- Doanh thu tư vấn	38.816.560.000	35.287.783.257	10%
- Doanh thu khác	37.407.480.000	31.611.438.936	18%
Cộng doanh thu	424.387.370.000	376.268.667.147	13%
II. TỔNG CHI PHÍ	273.246.530.000	244.841.848.529	12%
III. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	151.140.840.000	131.426.818.618	15%

Năm 2021, MBKE đưa ra kế hoạch phát triển với hơn 13% tăng trưởng doanh thu và 15% tăng trưởng lợi nhuận trước thuế so với năm 2020. Tăng trưởng thị phần môi giới và dư nợ ký quỹ dựa trên nền tảng phát triển bền vững và quản trị rủi ro tốt luôn là định hướng lâu dài của Tập đoàn và Công ty.

Để thực hiện kế hoạch đó, Khối Môi giới vẫn tiếp tục phát huy vai trò tiên phong với cam kết đưa ra những sản phẩm và giải pháp sáng tạo không ngừng nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng; liên tục cải tiến công nghệ để có được những phương thức giao dịch tiên tiến nhất; nâng cao chất lượng tư vấn và phục vụ của đội ngũ môi giới, đem đến sự hài lòng tối đa cho khách hàng khi giao dịch tại MBKE.



MBKE tiếp tục phát triển hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh và kỳ vọng sản phẩm sẽ đóng góp tích cực trong việc đạt được mục tiêu tăng trưởng doanh thu của năm 2021.

Bên cạnh đó, MBKE sẽ cung cấp sản phẩm chứng quyền có đảm bảo (covered warrants) trong năm 2021 nhằm đa dạng hóa sản phẩm và đạt được kết quả kinh doanh theo kế hoạch.

Tiếp nối những thành tích đã được trong những năm gần đây, Khối Ngân hàng đầu tư và Tư vấn doanh nghiệp sẽ đẩy mạnh và mở rộng hoạt động, đáp ứng nhu cầu của thị trường năng động và kế thừa các thế mạnh của Tập đoàn, nhằm mục đích đóng góp vượt bậc cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chi phí hoạt động kinh doanh tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ nhưng sẽ vẫn đảm bảo các hoạt động có được nguồn kinh phí kịp thời, phục vụ hợp lý cho sự tăng trưởng.

Công ty sẽ đầu tư đổi mới hệ thống cho các bộ phận nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả làm việc và cung cấp dịch vụ chất lượng cao tới khách hàng.

Đồng thời, Công ty tiếp tục nâng cấp máy móc thiết bị cũng như thiết lập thêm các phần mềm quản lý bao gồm cả các phần mềm bảo vệ an toàn mạng và hệ thống thông tin. Chính sách đào tạo và phúc lợi cho nhân viên cũng sẽ được chú trọng nhằm gia tăng sự gắn kết của nhân viên, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp theo đúng chuẩn mực và văn hóa của Tập đoàn.

Năm 2021 dự báo TTCK có nhiều yếu tố hỗ trợ để chinh phục những mốc điểm số cao hơn, do triển vọng kinh tế phục hồi tốt hơn, tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp niêm yết được dự phóng tăng trưởng tốt, theo khảo sát của Bloomberg, thanh khoản thị trường được kỳ vọng tiếp tục duy trì ở mức tốt, và dòng vốn nước ngoài quay trở lại dần. Trước cơ hội phát triển của TTCK cùng với những kế hoạch phát triển nội lực đề ra, Công ty rất quyết tâm sẽ có kết quả kinh doanh khả quan hơn trong năm 2021.

Cùng với sự hợp lực của Tập đoàn, Hội đồng thành viên và tập thể nhân viên Công ty, MBKE kỳ vọng sẽ tiếp tục giữ vững và phát triển vị thế là cổng kết nối, đưa câu chuyện của các doanh nghiệp Việt Nam đến với đông đảo các nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, công việc xúc tiến quảng bá thị trường Việt Nam cũng như tư vấn và đóng góp ý kiến cho các cơ quan quản lý trong công tác xây dựng thị trường cũng sẽ tiếp tục được đẩy mạnh, hỗ trợ mạnh mẽ cho các hoạt động đầy nhanh tiến trình hiện thực hóa mục tiêu nâng hạng TTCK theo đúng tầm nhìn và lộ trình mà Chính phủ đã đề ra.

6. Giải pháp và chương trình hành động năm 2021

Với những gì đạt được trong những năm qua, MBKE tự tin đang đi rất đúng hướng. MBKE tin tưởng vào sự hỗ trợ toàn diện và dài hạn của Tập đoàn để tiếp tục đà phát triển của mình. Công ty luôn có thể tận dụng sức mạnh của Tập đoàn bao gồm các nguồn lực tài chính, cơ sở hạ tầng và các bí quyết công nghệ mới để tự tin về chặng đường phát triển mới sắp tới với một MBKE tầm vóc hơn, nổi trội hơn và không ngừng lớn mạnh.

- Mục tiêu trước mắt của MBKE là tiếp tục duy trì vị trí tiên phong của mình thông qua việc đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ để nâng cao khả năng tiếp cận khách hàng, đặc biệt là đối tượng khách hàng trẻ, đồng thời đem đến cho khách hàng những trải nghiệm đặc biệt khi đến giao dịch tại MBKE.
- MBKE sẽ khai thác triệt để thế mạnh về mạng lưới của Tập đoàn trong khu vực, đẩy mạnh mảng tư vấn và ngân hàng đầu tư như giới thiệu đối tác chiến lược, thu xếp vốn và một số loại hình đầu tư tài chính khác. MBKE sẽ tiếp tục nỗ lực khẳng định vị thế là “Cổng kết nối khu vực - ASEAN Gateway”, giúp mang nguồn vốn ngoại vào Việt Nam, góp phần vào sự phát triển của các doanh nghiệp trong nước nói riêng và TTCK Việt Nam nói chung.
- Bên cạnh việc đẩy mạnh đầu tư, hoàn thiện nền tảng công nghệ, liên tục cho ra đời những sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, Công ty sẽ đặc biệt chú trọng đào tạo đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có năng lực và tầm nhìn quốc tế. Tất cả các hoạt động của MBKE sẽ được triển khai đồng bộ theo phương châm: **“MẠNH HƠN, QUYẾT LIỆT HƠN VÀ TỐT HƠN”**.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng thành viên (“HĐTV”)

STT	Thành viên HĐTV	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1.	Bà Che Zakiah Binti Che Din	Chủ tịch	5/5	100%
2.	Ông Mohamad Yasin Bin Abdullah	Chủ tịch	4/4	100%
		Thành viên	5/5	100%
3.	Ông Ronnie Royston Fernandiz	Thành viên	5/5	100%
4.	Ông Goh Cho Kiat Jeffrey	Thành viên	5/5	100%
4.	Ông Rajiv Vijendran	Thành viên	9/9	100%
5.	Ông Lok Eng Hong	Thành viên	4/4	100%

Hoạt động giám sát của HĐTV đối với Ban Tổng Giám đốc: Ngoài các cuộc họp theo quy định tại Điều lệ Công ty, Ban Tổng Giám đốc thường xuyên cập nhật diễn biến thị trường và báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty để HĐTV kịp thời đưa ra những quyết định chỉ đạo mang tính chiến lược giúp Công ty phát triển bền vững.

2. Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát tổ chức các cuộc họp theo quy định tại Điều lệ Công ty. Thành phần tham dự họp luôn đầy đủ các thành viên Ban Kiểm soát cũng như các bộ phận có liên quan theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến của Kiểm toán viên độc lập được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. (<http://maybank-kimeng.com.vn/kimengportal/financial-statements.do>).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 2 năm 2021

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

Giám Đốc



KIM THIÊN QUANG

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



**Building a better
working world**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh báo cáo tài chính	16 - 46



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 4 năm 2018, thay thế Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác như sau:

- ▶ Chi nhánh Chợ Lớn: Tầng 1, 86 Tân Đà, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Chi nhánh Phú Nhuận: Tầng 1, Tòa nhà Tân Hà Phan, 465 Phan Xích Long, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Chi nhánh An Giang: Tầng 3, TTTM Nguyễn Huệ, 9/9 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Xuyên, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- ▶ Chi nhánh Đồng Nai: Tầng 3, Phòng 303, Tòa nhà NK, 208D Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; và
- ▶ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 3A-06, Tòa Nhà Horison, Số 40 Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.056.110.000.000 VND và tổng tài sản là 2.347.081.261.571 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu chung là cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung, tiến đến vị trí dẫn đầu trong tất cả các hoạt động kinh doanh, xây dựng nguồn lực thông minh và hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Mohamad Yasin Bin Abdullah	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020
Bà Che Zakiah Binti Che Din	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020
Ông Rajiv Vijendran	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019
Ông Lok Eng Hong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020
Ông Ronnie Royston Fernandiz	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020
Ông Goh Cho Kiat Jeffrey	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Bà Che Zakiah Binti Che Din	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020
Ông Malique Firdauz Bin Ahmad Sidique	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020
Bà Trần Ngọc Như Hiền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019
Bà Nguyễn Tuyết Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Kim Thiên Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015
Ông Tô Quốc Tuấn	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 9 năm 2019
Ông Trần Châu Tiến	Giám đốc Khối Công nghệ thông tin	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2019
Ông Vũ Gia Vinh	Giám đốc Khối ngân hàng đầu tư	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2017
Bà Lê Hồng Liên	Giám đốc Khối nghiên cứu phân tích khách hàng tổ chức	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 8 năm 2020
Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Kim Thiên Quang, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Kiểm Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 2 năm 2021



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bifexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60994674/22196163

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty"), được lập ngày 9 tháng 2 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 46, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thủy Dương
Phó Tổng Giám Đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0893-2018-004-1

Nguyễn Đăng Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4415-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 2 năm 2021

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.295.805.218.081	1.944.656.437.199
110	I. Tài sản tài chính		2.293.426.289.183	1.942.352.311.439
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	148.463.942.745	133.946.184.149
111.1	1.1 Tiền		98.463.942.745	73.946.184.149
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		50.000.000.000	60.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	6.1	3.375.030	2.977.010
114	3. Các khoản cho vay	6.2	2.104.399.987.781	1.793.576.529.568
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6.3	(3.342.102.022)	(3.392.102.022)
117	5. Các khoản phải thu	7	15.263.556.121	16.018.114.439
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		517.500	-
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		15.263.038.621	16.018.114.439
117.4	5.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		15.263.038.621	16.018.114.439
118	6. Trả trước cho người bán	7	38.378.358	601.022.500
119	7. Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	7	28.509.402.709	1.356.418.114
122	8. Các khoản phải thu khác	7	205.048.856	448.280.576
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		(115.300.395)	(205.112.895)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	8	2.378.928.898	2.304.125.760
131	1. Tạm ứng		33.500.000	125.139.773
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.345.428.898	2.178.985.987
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		51.276.043.490	57.275.291.199
220	I. Tài sản cố định		15.894.436.944	16.208.319.809
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	10.789.457.133	13.801.823.513
222	- Nguyên giá		53.507.801.392	54.562.758.791
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(42.718.344.259)	(40.760.935.278)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	5.104.979.811	2.406.496.296
228	- Nguyên giá		29.807.134.235	25.400.661.235
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.702.154.424)	(22.994.164.939)
240	II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		144.000.000	4.584.229.000
250	III. Tài sản dài hạn khác		35.237.606.546	36.482.742.390
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		3.255.088.737	3.255.088.737
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.964.330.786	3.225.736.697
253	3. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	12	-	1.916.956
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	30.018.187.023	30.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.347.081.261.571	2.001.931.728.398

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

Maybank Kim Eng Securities Limited

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		914.365.694.931	674.124.806.428
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		914.239.905.548	674.067.287.203
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		855.736.090.000	646.656.800.000
312	1.1 Vay ngắn hạn	14	855.736.090.000	646.656.800.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		38.042.096	516.000
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	15	6.820.171.346	2.589.711.138
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		280.332.000	330.332.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	21.388.214.655	4.859.425.615
323	6. Phải trả người lao động		22.614.598.258	13.999.146.234
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		-	316.210.932
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	7.337.991.270	5.233.801.760
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		24.465.923	81.343.524
340	II. Nợ phải trả dài hạn		125.789.383	57.519.225
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	18	125.789.383	57.519.225
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	1.432.715.566.640	1.327.806.921.970
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.432.715.566.640	1.327.806.921.970
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.056.110.000.000	1.056.110.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		20.197.458.918	14.952.026.685
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		20.197.458.919	14.952.026.685
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		336.210.648.803	241.792.868.600
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		336.209.264.221	241.768.818.230
417.2	4.2 Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		1.384.582	24.050.370
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.347.081.261.571	2.001.931.728.398

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	1. Ngoại tệ các loại (nguyên tệ) USD SGD	20.1	175.388,28 811,30	183.219,68 1.799,88
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Công ty	20.2	1.120.000	630.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	20.3	8.279.545.180.000	8.684.463.610.000
021.1	- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		7.745.447.510.000	8.431.799.310.000
021.2	- Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		171.514.750.000	42.354.910.000
021.3	- Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		65.450.000.000	111.517.200.000
021.5	- Tài sản tài chính chờ thanh toán		297.132.920.000	98.792.190.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	20.4	1.683.994.910.000	1.578.650.080.000
022.1	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.374.784.600.000	1.344.390.870.000
022.2	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		242.102.600.000	227.259.210.000
022.3	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố		67.107.710.000	7.000.000.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	20.5	215.967.440.000	89.159.820.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

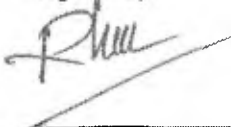
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

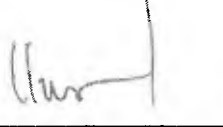
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	4. Tiền gửi của khách hàng	20.6	924.693.477.941	256.563.119.621
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		433.128.339.491	131.333.951.021
028	4.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		215.916.499.562	92.957.287.150
029	4.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		275.648.638.888	32.271.881.450
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước		271.976.890.753	31.978.543.476
029.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài		3.671.748.135	293.337.974
031	5. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	20.7	924.693.339.597	256.561.752.912
031.1	5.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		863.088.914.331	192.039.377.830
031.2	5.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		61.604.425.266	64.522.375.082
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	20.7	138.344	1.366.709

Người lập:



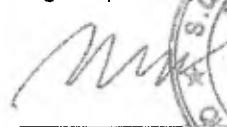
Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

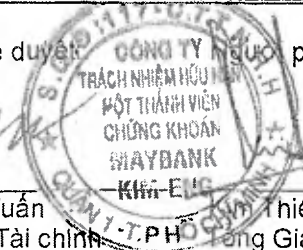


Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 2 năm 2021

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21.1	20.357.945.327	4.258.418.879
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL		1.122.136.364	143.102.557
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		1.104.123	1.720.055
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL		19.234.704.840	4.113.596.267
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	21.1	157.138.702.320	172.667.254.113
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	21.2	152.230.742.634	101.097.873.302
08	4. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	21.2	158.000.000	-
09	5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	21.2	4.725.117.424	5.513.391.495
10	6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	21.2	35.129.783.257	382.600.000
11	7. Thu nhập hoạt động khác	21.2	6.528.376.185	7.689.234.164
20	Cộng doanh thu hoạt động		376.268.667.147	291.608.771.953
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		1.048.100	1.472.404
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL		-	328.949
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		1.048.100	1.143.455
24	2. Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu	22	22.845.712.903	28.404.218.833
27	3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	23	114.342.058.319	84.727.505.985
30	4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		7.822.999.682	6.558.639.783
31	5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		7.539.007.082	9.314.927.574
40	Cộng chi phí hoạt động		152.550.826.086	129.006.764.579
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		106.684.454	53.509.170
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		2.403.934.333	3.007.066.175
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	24	2.510.618.787	3.060.575.345

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02-CTCK

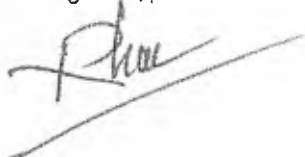
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		29.850.620	28.770.123
60	Cộng chi phí tài chính		29.850.620	28.770.123
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	25	94.813.923.942	80.131.098.615
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		131.384.685.286	85.502.713.981
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		50.000.000	502.490.909
72	2. Chi phí khác		7.866.668	1.719.666
80	Cộng kết quả hoạt động khác		42.133.332	500.771.243
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		131.426.818.618	86.003.485.224
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		131.425.434.036	85.979.434.854
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		1.384.582	24.050.370
100	X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	26	26.518.173.948	17.274.541.507
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		26.447.986.834	17.033.696.487
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		70.187.114	240.845.020
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		104.908.644.670	68.728.943.717
400	Tổng thu nhập toàn diện		104.908.644.670	68.728.943.717

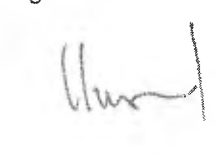
Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:









Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính

Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 2 năm 2021

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		131.426.818.618	86.003.485.224
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		(7.886.746.694)	10.874.936.989
03	- Khấu hao tài sản cố định	9,10	6.219.218.197	6.270.583.748
04	- Các khoản dự phòng		(139.812.500)	(410.187.500)
07	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(21.638.639.173)	(7.247.673.897)
08	- Dự thu tiền lãi		(15.263.038.621)	(16.018.114.439)
09	- Các khoản điều chỉnh khác		22.935.525.403	28.280.329.077
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		(1.048.100)	(1.143.455)
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(1.048.100)	(1.143.455)
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		1.104.123	1.720.055
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		1.104.123	1.720.055
30	5. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(338.275.192.192)	(518.768.373.397)
31	Tăng tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL		(454.043)	(3.292.610)
33	Tăng các khoản cho vay		(310.823.458.213)	(470.973.511.710)
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		16.017.596.939	12.181.194.880
37	(Tăng)/giảm các khoản phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(27.152.984.595)	1.083.892.422
39	Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		805.875.862	(904.653.323)
40	Giảm/(tăng) các tài sản khác		73.452.750	(10.102.931.060)
41	Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		1.956.607.029	248.304.334
42	Giảm chi phí trả trước		1.094.963.000	1.450.759.456
43	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(17.641.679.998)	(15.565.198.639)
44	Lãi vay đã trả		(22.787.942.922)	(28.314.406.333)
45	Tăng phải trả người bán		4.230.460.208	2.136.866.978
46	(Giảm)/tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(316.210.932)	316.210.932
47	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		7.722.482.204	(364.385.089)
48	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		8.615.452.024	(10.026.580.437)
50	(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác		(69.351.505)	69.356.802
60	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(214.735.064.245)	(421.889.374.584)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(1.465.106.332)	(9.919.941.045)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		-	2.490.909
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		21.638.639.173	7.245.182.988
70	Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		20.173.532.841	(2.672.267.148)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
73	Tiền vay gốc	14	5.325.617.580.000	5.206.691.980.000
73.2	Tiền vay khác		5.325.617.580.000	5.206.691.980.000
74	Tiền chi trả nợ gốc vay	14	(5.116.538.290.000)	(4.932.745.180.000)
74.3	Tiền chi trả nợ gốc vay khác		(5.116.538.290.000)	(4.932.745.180.000)
80	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		209.079.290.000	273.946.800.000
90	TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		14.517.758.596	(150.614.841.732)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	133.946.184.149	284.561.025.881
101.1	Tiền		73.946.184.149	134.561.025.881
101.2	Các khoản tương đương tiền		60.000.000.000	150.000.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	148.463.942.745	133.946.184.149
103.1	Tiền		98.463.942.745	73.946.184.149
103.2	Các khoản tương đương tiền		50.000.000.000	60.000.000.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03b-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

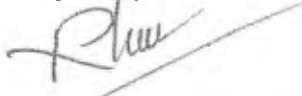
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		27.922.636.909.402	18.552.001.572.129
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(26.874.528.187.353)	(18.346.258.424.894)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		31.674.474.503.158	20.958.431.519.082
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(32.049.727.749.463)	(21.151.750.044.579)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(4.725.117.424)	(5.513.391.495)
20	Tăng tiền thuần trong năm		668.130.358.320	6.911.230.243
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	20.6	256.563.119.621	249.651.889.378
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		256.563.119.621	249.651.889.378
32	1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		131.333.951.021	187.321.346.078
33	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		92.957.287.150	44.387.679.321
34	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		32.271.881.450	17.942.863.979
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	20.6	924.693.477.941	256.563.119.621
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		924.693.477.941	256.563.119.621
42	1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		433.128.339.491	131.333.951.021
43	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		215.916.499.562	92.957.287.150
44	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		275.648.638.888	32.271.881.450

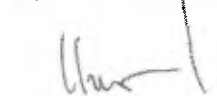
Người lập:

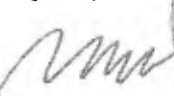
Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:









Nguyễn Thị Minh Hồng
 Kế toán viên

Trần Thị Ngọc Hương
 Kế toán Trưởng

Tô Quốc Tuấn
 Giám đốc Tài chính

Kim Thiên Quang
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 2 năm 2021

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B04-CTCK

CHỈ TIÊU	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
	Ngày 01/01/2019 VND	Ngày 01/01/2020 VND	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2019 VND	Ngày 31/12/2020 VND
			Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.056.110.000.000	1.056.110.000.000	-	-	-	-	1.056.110.000.000	1.056.110.000.000
- Vốn pháp định	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000
- Vốn bổ sung	806.110.000.000	806.110.000.000	-	-	-	-	806.110.000.000	806.110.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	11.515.579.503	14.952.026.685	3.436.447.182	-	5.245.432.233	-	14.952.026.685	20.197.458.918
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	11.515.579.499	14.952.026.685	3.436.447.186	-	5.245.432.234	-	14.952.026.685	20.197.458.919
4. Lợi nhuận chưa phân phối	179.936.819.251	241.792.868.600	68.728.943.717	(6.872.894.368)	104.908.644.670	(10.490.864.467)	241.792.868.600	336.210.648.803
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	179.852.534.485	241.768.818.230	68.704.893.347	(6.788.609.602)	104.907.260.088	(10.466.814.097)	241.768.818.230	336.209.264.221
- Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	84.284.766	24.050.370	24.050.370	(84.284.766)	1.384.582	(24.050.370)	24.050.370	1.384.582
TỔNG CỘNG	1.259.077.978.253	1.327.806.921.970	75.601.838.085	(6.872.894.368)	115.399.509.137	(10.490.864.467)	1.327.806.921.970	1.432.715.566.640

Người lập:

Phuu

Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:

Huu

Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Mon

Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính



Người phê duyệt:

Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 2 năm 2021

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 4 năm 2018, thay thế Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 177 người (31 tháng 12 năm 2019: 172 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.056.110.000.000 VND và tổng tài sản là 2.347.081.261.571 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu chung là cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung, tiến đến vị trí dẫn đầu trong tất cả các hoạt động kinh doanh, xây dựng nguồn lực thông minh và hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau; hoặc
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

3.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản cho vay (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên thời gian quá hạn của các khoản cho vay theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC như đã trình bày ở *Thuyết minh 3.8* hoặc dựa trên dự phòng ước tính từ việc không chắc chắn về khả năng thu hồi của những khoản cho vay đó.

3.5 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích lập dự phòng giảm giá chứng khoán, giá thị trường của chứng khoán được xác định theo quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC và Thông tư 48/2019/TT-BTC.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

3.6 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại. Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

3.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.10 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm tin học	5 năm

3.11 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ một (1) đến ba mươi sáu (36) tháng vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.13 Các khoản vay

Các khoản vay được được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lợi ích của nhân viên

3.15.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.15.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác.

3.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán và chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 *Vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối (tiếp theo)

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau :

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Việc trích lập các quỹ còn lại do tổ chức tự quyết định.

3.21 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	56.116.134	56.471.065
- Tiền gửi cho hoạt động của Công ty	85.489.687.932	73.755.915.476
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	12.918.138.679	133.797.608
Các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	50.000.000.000	60.000.000.000
TỔNG CỘNG	148.463.942.745	133.946.184.149

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại với mức lãi suất là 4,00%/năm.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Năm nay		Năm trước	
	Khối lượng (đơn vị)	Giá trị (VND)	Khối lượng (đơn vị)	Giá trị (VND)
a. Công ty				
- Cổ phiếu	10.180.987	344.786.789.987	2.383.645	43.821.138.622
b. Nhà đầu tư				
- Cổ phiếu	3.752.528.272	55.738.011.231.675	2.319.960.457	37.051.554.800.148
TỔNG CỘNG	3.762.709.259	56.082.798.021.662	2.322.344.102	37.095.375.938.770

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	2.742.407	3.375.030	2.400.410	2.977.010

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Các khoản cho vay

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
1. Hoạt động cho vay ký quỹ	1.920.554.807.820	(3.342.102.022)	1.917.212.705.798	1.741.006.386.629	(3.392.102.022)	1.737.614.284.607
2. Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	183.845.179.961	-	183.845.179.961	52.570.142.939	-	52.570.142.939
TỔNG CỘNG	2.104.399.987.781	(3.342.102.022)	2.101.057.885.759	1.793.576.529.568	(3.392.102.022)	1.790.184.427.546

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán tương đương với giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số đầu năm	3.392.102.022	4.121.903.023
Hoàn nhập trong năm	(50.000.000)	(500.000.000)
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro trong năm	-	(229.801.001)
Số cuối năm	3.342.102.022	3.392.102.022

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	28.509.402.709	1.356.418.114
- Phải thu phí tư vấn và tổ chức đấu giá	25.355.000.000	179.625.000
- Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư	1.939.205.484	766.642.311
- Phải thu phí môi giới	1.215.197.225	410.150.803
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	15.263.038.621	16.018.114.439
- Dự thu lãi cho vay hoạt động ký quỹ	14.839.527.980	15.834.752.512
- Dự thu lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	297.264.066	55.964.668
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	126.246.575	127.397.259
Trả trước cho người bán	38.378.358	601.022.500
Khoản phải thu bán các tài sản tài chính	517.500	-
Các khoản phải thu khác	205.048.856	448.280.576
	44.016.386.044	18.423.835.629
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khác	(115.300.395)	(205.112.895)
TỔNG CỘNG	43.901.085.649	18.218.722.734

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	33.500.000	125.139.773
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.345.428.898	2.178.985.987
- Chi phí bảo trì hệ thống	1.856.904.007	1.582.669.871
- Trả trước tiền thuê văn phòng	234.020.376	237.620.376
- Chi phí vật dụng văn phòng	44.987.774	53.873.604
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	209.516.741	304.822.136
TỔNG CỘNG	2.378.928.898	2.304.125.760

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Máy móc thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá				
Số đầu năm	50.556.682.724	3.052.011.905	954.064.162	54.562.758.791
Mua trong năm	1.506.729.000	-	-	1.506.729.000
Thanh lý, nhượng bán	(2.561.686.399)	-	-	(2.561.686.399)
Số cuối năm	49.501.725.325	3.052.011.905	954.064.162	53.507.801.392
Hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	36.817.587.628	3.052.011.905	891.335.745	40.760.935.278
Tăng trong năm	4.492.275.712	-	18.953.000	4.511.228.712
Thanh lý, nhượng bán	(2.553.819.731)	-	-	(2.553.819.731)
Số cuối năm	38.756.043.609	3.052.011.905	910.288.745	42.718.344.259
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	13.739.095.096	-	62.728.417	13.801.823.513
Số cuối năm	10.745.681.716	-	43.775.417	10.789.457.133

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 37.930.183.986 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 31.497.583.022 đồng).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm tin học VND</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm	25.400.661.235
Mua mới trong năm	4.406.473.000
Số dư cuối năm	<u>29.807.134.235</u>
Hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	22.994.164.939
Tăng trong năm	1.707.989.485
Số cuối năm	<u>24.702.154.424</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>2.406.496.296</u>
Số cuối năm	<u>5.104.979.811</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 19.316.946.518 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 16.567.836.818 đồng).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Bảo trì hệ thống	1.837.281.014	2.682.915.500
Chi phí cải tạo văn phòng	127.049.772	542.821.197
TỔNG CỘNG	<u>1.964.330.786</u>	<u>3.225.736.697</u>

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ	-	<u>1.916.956</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do sự khác nhau trong việc trích lập dự phòng giữa chính sách kế toán của công ty và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI (tiếp theo)

Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau:

	<i>Báo cáo tình hình tài chính</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ	-	1.916.956	(1.916.956)	(233.821.864)

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ và tiền đóng góp vào Quỹ bù trừ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với Thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ, với mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

Biến động tiền nộp quỹ trong năm như sau:

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Số dư đầu năm	30.000.000.000	20.000.000.000
Tiền nộp bổ sung trong năm	18.187.023	10.000.000.000
Số dư cuối năm	30.018.187.023	30.000.000.000

14. VAY NGẮN HẠN

	<i>Số đầu năm VND</i>	<i>Số vay trong năm VND</i>	<i>Số đã trả trong năm VND</i>	<i>Số cuối năm VND</i>
Vay ngắn hạn	646.656.800.000	5.325.617.580.000	(5.116.538.290.000)	855.736.090.000

Đây là các khoản vay tín chấp ngắn hạn gốc ngoại tệ từ tổ chức nước ngoài với mức lãi suất 2,10 – 2,15%/năm nhằm tài trợ cho các hoạt động hàng ngày của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh 27.1)	6.753.466.002	389.141.399
Các khoản phải trả khác	66.705.344	2.200.569.739
TỔNG CỘNG	6.820.171.346	2.589.711.138

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
1	Thuế thu nhập cá nhân	2.254.856.118	47.515.284.518	(44.134.542.103)	5.635.598.533
	- Cửa nhân viên Công ty	792.919.608	19.232.309.034	(18.655.469.888)	1.369.758.754
	- Cửa nhà đầu tư cá nhân	1.461.936.510	28.282.975.484	(25.479.072.215)	4.265.839.779
2	Thuế nhà thầu	199.203.048	3.712.136.650	(2.871.676.132)	1.039.663.566
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.322.255.006	48.813.055.679	(38.569.715.371)	12.565.595.314
	- Cửa Công ty	1.647.102.469	26.447.986.834	(17.641.679.998)	10.453.409.305
	- Cửa nhà đầu tư tổ chức	675.152.537	22.365.068.845	(20.928.035.373)	2.112.186.009
4	Thuế môn bài	-	8.000.000	(8.000.000)	-
5	Thuế giá trị gia tăng	83.111.443	4.293.862.141	(2.229.616.342)	2.147.357.242
	TỔNG CỘNG	4.859.425.615	104.342.338.988	(87.813.549.948)	21.388.214.655

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí giao dịch	3.392.845.096	1.491.822.268
Chi phí trích trước	1.855.394.407	1.739.958.443
Lãi vay phải trả	892.438.901	1.040.021.382
Phí dịch vụ chuyên môn	846.850.094	580.129.660
Chi phí lưu ký	350.462.772	381.870.007
TỔNG CỘNG	7.337.991.270	5.233.801.760

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</i>	<i>Quỹ dự trữ vốn điều lệ VND</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Số đầu năm	1.056.110.000.000	14.952.026.685	14.952.026.685	241.792.868.600	1.327.806.921.970
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	104.908.644.670	104.908.644.670
- Trích quỹ trong năm	-	5.245.432.233	5.245.432.234	(10.490.864.467)	-
Số cuối năm	1.056.110.000.000	20.197.458.918	20.197.458.919	336.210.648.803	1.432.715.566.640

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

20.1 Ngoại tệ các loại của Công ty (nguyên tệ)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
USD	175.388,28	183.219,68
SGD	811,30	1.799,88

20.2 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán (VSD) của Công ty

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	<u>1.120.000</u>	<u>630.000</u>

20.3 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	7.745.447.510.000	8.431.799.310.000
- Cổ phiếu	7.745.447.510.000	8.431.799.310.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	171.514.750.000	42.354.910.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	65.450.000.000	111.517.200.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	297.132.920.000	98.792.190.000
TỔNG CỘNG	<u>8.279.545.180.000</u>	<u>8.684.463.610.000</u>

20.4 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.374.784.600.000	1.344.390.870.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	242.102.600.000	227.259.210.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	67.107.710.000	7.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>1.683.994.910.000</u>	<u>1.578.650.080.000</u>

20.5 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Cổ phiếu	<u>215.967.440.000</u>	<u>89.159.820.000</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

20.6 Tiền của nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	433.128.339.491	131.333.951.021
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	382.817.833.225	80.707.806.439
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	50.310.506.266	50.626.144.582
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	215.916.499.562	92.957.287.150
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	207.861.508.697	79.354.394.624
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	8.054.990.865	13.602.892.526
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	275.648.638.888	32.271.881.450
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	271.976.890.753	31.978.543.476
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	3.671.748.135	293.337.974
TỔNG CỘNG	924.693.477.941	256.563.119.621

20.7 Phải trả nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	924.693.339.597	256.561.752.912
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	863.088.914.331	192.039.377.830
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	61.604.425.266	64.522.375.082
Phải trả cổ tức cho Nhà đầu tư	138.344	1.366.709
TỔNG CỘNG	924.693.477.941	256.563.119.621

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

21.1 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	20.357.945.327	4.258.418.879
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	19.234.608.212	4.113.473.967
- Cổ tức	96.628	122.300
- Các khoản khác	1.123.240.487	144.822.612
Từ các khoản cho vay và phải thu	157.138.702.320	172.667.254.113
- Tiền lãi cho vay ký quỹ	153.388.252.199	170.202.921.643
- Tiền lãi cho vay ứng trước tiền bán	3.750.450.121	2.464.332.470
TỔNG CỘNG	177.496.647.647	176.925.672.992

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

21.2 Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	152.230.742.634	101.097.873.302
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	35.129.783.257	382.600.000
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	4.725.117.424	5.513.391.495
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	158.000.000	-
Doanh thu khác	6.528.376.185	7.689.234.164
- Từ phí nghiên cứu và các hoạt động khác	6.528.376.185	7.689.234.164
TỔNG CỘNG	198.772.019.500	114.683.098.961

22. CHI PHÍ LÃI VAY, LỖ TỪ CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay cho hoạt động ký quỹ (Hoàn nhập)/chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khác	22.935.525.403 (89.812.500)	28.314.406.333 89.812.500
TỔNG CỘNG	22.845.712.903	28.404.218.833

23. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.525.301.865	40.751.286.994
Lương và các khoản phúc lợi	53.152.057.627	40.901.300.055
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.630.404.101	2.306.084.751
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	918.857.075	625.429.687
Chi phí công cụ, dụng cụ	70.938.401	92.116.648
Chi phí văn phòng phẩm	44.499.250	51.287.850
TỔNG CỘNG	114.342.058.319	84.727.505.985

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu lãi tiền gửi không cố định	2.403.934.333	3.007.066.175
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	106.684.454	53.509.170
TỔNG CỘNG	2.510.618.787	3.060.575.345

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Lương và các khoản phúc lợi	57.850.102.556	43.348.699.346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.131.567.557	25.657.323.801
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	5.288.254.310	5.644.316.814
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	5.268.401.365	4.864.966.628
Chi phí công cụ, dụng cụ	164.293.730	394.903.216
Chi phí văn phòng phẩm	91.392.631	110.106.717
Chi phí khác	19.911.793	110.782.093
TỔNG CỘNG	94.813.923.942	80.131.098.615

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế suất thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN trong năm và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Lợi nhuận trước thuế	131.426.818.618	86.003.485.224
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (20%)	26.285.363.724	17.200.697.045
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	215.650.550	163.151.438
- Điều chỉnh khác	9.416.581	25.582.454
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
- Thu nhập không chịu thuế và chênh lệch tạm thời chịu thuế những năm trước	(62.444.021)	(229.603.223)
- Điều chỉnh thuế TNDN trong những năm trước	-	(126.131.227)
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	26.447.986.834	17.033.696.487

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại trong năm được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại (<i>Thuyết minh 18</i>)	68.270.158	7.023.156
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại (<i>Thuyết minh 12</i>)	1.916.956	233.821.864
TỔNG CỘNG	70.187.114	240.845.020

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

27.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	Năm nay VND	Năm trước VND
Maybank Kim Eng Holdings Limited	Công ty mẹ	Vay	2.508.712.530.000	695.844.500.000
		Trả gốc vay	2.000.820.940.000	348.000.000.000
		Lãi vay đã trả	4.806.065.307	988.017.775
		Trích trước lãi vay	847.259.617	891.834.648
Maybank international Labuan Branch	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Vay	2.776.905.050.000	4.210.847.480.000
		Trả gốc vay	3.055.717.350.000	4.234.745.180.000
		Lãi vay đã trả	8.386.600.446	17.168.275.082
		Trích trước lãi vay	-	108.041.203
Maybank Kim Eng Securities Pte. Ltd	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Phí hoa hồng đã trả	9.742.938.293	5.893.886.431
		Trích trước phí hoa hồng	5.911.501.973	431.181.605
		Thu phí hoa hồng	80.296.688	-
		Doanh thu thu xếp vốn	36.915.417	-
		Thu phí môi giới	453.987.365	217.156.954
Maybank Kim Eng Securities (Thailand) Public Company Ltd	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Thu phí môi giới	453.987.365	217.156.954

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

27.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Phí dịch vụ hoán đổi tiền tệ	6.392.758.965	1.856.680.000
		Trích trước phí dịch vụ hoán đổi tiền tệ	87.542.299	648.706.897
		Phí ngân hàng	72.159.933	9.497.430
		Thu lãi tiền gửi	2.076.398	3.142.680
Maybank Kim Eng Research Pte. Ltd	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Thu phí nghiên cứu	6.528.376.185	7.689.234.164
		Trả phí nghiên cứu	3.317.849.685	2.325.447.129
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Phí dịch vụ hoán đổi tiền tệ	-	5.472.262.500
Maybank Investment Bank Berhad	Công ty con của Công ty chủ quản cao nhất	Trả phí thông tin	592.502.707	-
Ban Tổng Giám đốc		Thu nhập	15.519.976.046	17.126.139.676

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Maybank Kim Eng Holdings Limited	Công ty mẹ	Vay	(855.736.090.000)	(347.844.500.000)
		Lãi vay phải trả	(804.896.602)	(891.834.648)
Maybank International Labuan Branch	Công ty con của công ty chủ quản cao nhất	Vay	-	(278.812.300.000)
		Lãi vay phải trả	-	(108.041.203)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

27.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Maybank Kim Eng Securities Pte.Ltd	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Phí hoa hồng phải trả Phải thu phí thu xếp vốn Phải trả khác	(5.335.130.532) 40.606.959 (855.457.898)	(389.141.399) - -
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Chi nhánh của công ty chủ quản cấp cao nhất	Tiền gửi tại ngân hàng Phải trả dịch vụ hoán đổi tiền tệ	- (87.542.299)	741.537.330 -
Maybank Kim Eng Securities (Thailand) Public Company Ltd	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Phải trả tiền bán cuối tháng	(1.226.241.212)	-
Maybank Investment Bank Berhad	Công ty con của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Phải trả phí thông tin	(562.877.572)	-

27.2 *Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm cuối năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Đến 1 năm	9.163.585.990	13.429.464.553
Từ 1 - 5 năm	2.480.476.380	11.106.745.839
	11.644.062.370	24.536.210.392

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

27.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

27.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ trước khi ký kết các hợp đồng margin và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm giao dịch ký quỹ.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh 6*, Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

27.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
		Dưới 3 tháng VND	3 - 6 tháng VND	6 - 12 tháng VND	Trên 1 năm VND		
Tiền gửi	50.000.000.000	-	-	-	-	-	50.000.000.000
Các khoản cho vay	2.101.057.885.759	-	-	-	-	3.342.102.022	2.104.399.987.781
Tài sản tài chính khác	43.901.085.649	-	-	-	-	115.300.395	44.016.386.044
TỔNG CỘNG	2.194.958.971.408	-	-	-	-	3.457.402.417	2.198.416.373.825

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

27.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tài sản tài chính						
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	-	3.375.030	-	-	3.375.030
Các khoản cho vay	3.342.102.022	-	2.101.057.885.759	-	-	2.104.399.987.781
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	28.509.402.709	-	-	28.509.402.709
Các khoản phải thu khác	115.300.395	-	15.391.682.940	-	-	15.506.983.335
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	98.463.942.745	50.000.000.000	-	-	148.463.942.745
TỔNG CỘNG	3.457.402.417	98.463.942.745	2.194.962.346.438	-	-	2.296.883.691.600
Nợ tài chính						
Vay và nợ tài chính ngắn hạn	-	-	855.736.090.000	-	-	855.736.090.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	38.042.096	-	-	38.042.096
Phải trả người bán	-	-	6.820.171.346	-	-	6.820.171.346
Chi phí phải trả	-	-	7.337.991.270	-	-	7.337.991.270
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-	304.797.923	-	-	304.797.923
TỔNG CỘNG	-	-	870.237.092.635	-	-	870.237.092.635
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	3.457.402.417	98.463.942.745	1.324.725.253.803	-	-	1.426.646.598.965

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Quản trị nguồn vốn

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

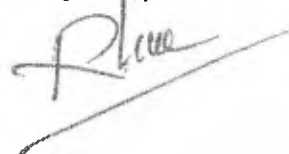
Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo đó, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 1.960%.

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Tô Quốc Tuấn
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 2 năm 2021